

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2018/DS-ST**

Ngày 12-4-2018

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thanh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Điệp.

Ông Trần Quốc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2018/TLST-DS ngày 02/01/2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2018/QĐXXST-DS ngày 09/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2018/QĐST-DS ngày 27/3/2018, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Kim L, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp 8, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

-Bị đơn: Anh Lê Hoàng S, sinh năm 1974

Chị Phan Thị C, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: Ấp 6, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Lê Minh Đ, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp 12, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Chị L và anh Đ có mặt tại phiên tòa. Đối với anh S và chị C vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2017 của nguyên đơn và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện:

Vào ngày 06/6/2017 âm lịch vợ chồng anh S và chị C có vay của chị L số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 1.000.000 đồng = 70.000 đồng/tháng, chị L giao tiền cho

anh S và chị C nhận, vợ chồng anh S đóng lãi được 02 tháng. Vào ngày 30/6/2017 âm lịch vợ chồng anh S và chị C vay của chị L số vàng 06 chỉ vàng 24k, lãi suất 01 chỉ vàng 24k = 200.000 đồng/tháng, chị L giao vàng cho anh Đ nhận dùm, vợ chồng anh S đóng lãi được 01 tháng. Vào ngày 17/8/2017 âm lịch vợ chồng anh S và chị C vay của chị L số tiền là 10.000.000 đồng, lãi suất 1.000.000 đồng = 70.000 đồng/tháng, chị L giao tiền cho anh Đ nhận dùm, khoản vay này không có đóng lãi. Các khoản nợ vay hiện nay chưa có trả vốn.

Nay bà L yêu cầu anh S và chị C trả số tiền là 30.000.000 đồng và 06 chỉ vàng 24k. Đối với lãi không yêu cầu.

- Lời trình bày của bị đơn Lê Hoàng S có tại hồ sơ, thể hiện:

Anh S thừa nhận anh và vợ là chị Phan Thị C có nợ chị L khoản nợ 30.000.000 đồng và 06 chỉ vàng 24k theo như chị L trình bày là đúng. Các khoản nợ vay do anh là người trực tiếp nhận, riêng số tiền 10.000.000 đồng thì chị C trực tiếp nhận tiền. Anh S xác định các khoản nợ là nợ chung của vợ chồng anh.

Nay anh S đồng ý có nghĩa vụ chung với chị C trả cho chị L số tiền 30.000.000 đồng và 06 chỉ vàng 24k.

- Lời trình bày của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Minh Đ: Các khoản nợ anh S và chị C hiện nay chưa trả theo như chị L trình bày là đúng. Anh Đ chỉ là người đứng ra hỏi dùm anh S và chị C. Anh Đ không có liên quan gì đến các khoản nợ này.

Anh Đ không có yêu cầu gì.

- Đối với bị đơn Phan Thị C: Tòa án đã triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và 02 lần để xét xử, nhưng chị C đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện:* Nguyên đơn cho rằng quyền và lợi ích của nguyên đơn bị bị đơn xâm hại, nên khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là phù hợp với quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã tiến hành triệu tập anh S và chị C hợp lệ 02 lần để xét xử, nhưng anh S và chị C đều vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt anh S và chị C.

[3] *Về mối quan hệ pháp luật tranh chấp*: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả số tiền và vàng vay chưa thanh toán, do đó xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] *Về thẩm quyền toà án*: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện T, nội dung tranh chấp giữa các đương sự là việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] *Về nội dung tranh chấp*: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự thì giữa các đương sự có hợp đồng vay tài sản với nhau. Trong quá trình vay tài sản thì anh S và chị C chưa thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 30.000.000 đồng và 06 chỉ vàng 24k.

+ *Xét yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn*: Chị L yêu cầu anh S và chị C trả số tiền là 30.000.000 đồng và 06 chỉ vàng 24k, anh S cũng thừa nhận nợ là nợ của vợ chồng, hiện nay chưa trả, nay anh S cũng đồng ý trả khoản nợ theo yêu cầu của chị L; đối với nghĩa vụ của chị C, Hội đồng xét xử xét thấy khoản nợ của chị L là khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân của chị C và anh S, nên cần buộc chị C có trách nhiệm chung với anh S để trả khoản nợ cho chị L là phù hợp.

Từ những lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đầy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị L, buộc anh S và chị C có trách nhiệm chung trả cho chị L số tiền 30.000.000 đồng và 06 chỉ vàng 24k là đúng theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] *Về án phí*: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 5% trên tổng số tiền và giá trị vàng Tòa án án buộc trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đối số tiền tạm ứng án phí của nguyên đơn đã dự nộp trước được hoàn lại toàn bộ. (Vàng 24k tính giá 3.500.000 đồng/01 chỉ để làm căn cứ tính án phí).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Kim L. Buộc bị đơn Lê Hoàng S và Phan Thị C có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Nguyễn Kim L số tiền **30.000.000** đồng (*ba mươi triệu đồng*) và **06** (*sáu*) chỉ vàng 24k.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án mà anh S và chị C chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên, thì hàng tháng anh S và chị C còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch: Anh S và chị C phải nộp là 2.550.000 đồng. Chị L đã dự nộp tạm ứng án phí trước với số tiền là 1.050.000 đồng theo biên lai thu số 0007684 ngày 29/12/2017 của chi cục thi hành án dân sự huyện T được hoàn lại toàn bộ.

3. Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đường sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Từ Thanh Nhung